

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DU LỊCH HỒNG HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DU LỊCH HỒNG HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG HA CONSTRUCTION INVESTMENT AND TOURISM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108992568

**3. Ngày thành lập:** 20/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phú Hòa, Xã Bình Phú, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện                                                                                          | 1629     |
| 2.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;<br>- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ.                                                                                                                      | 3100     |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở<br>(Theo khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 100/2018/NĐ-CP của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng)                                           | 4101     |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Tu bổ di tích<br>(Theo khoản 2 Điều 3, Điều 9 của Nghị định 61/2016/NĐ-CP của Chính Phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh) | 4102     |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311     |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                              | 4321     |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                              | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn;<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động;<br>+ Dây dẫn chống sét;<br>+ Hệ thống hút bụi;<br>+ Hệ thống âm thanh;<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                                                                                                                                                                                                     | 4329 |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.                                                                                                                                                                                                                                           | 4759 |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng taxi.<br>(Điều 6 Nghị định Số: 86/2014/NĐ-CP Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4931 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>(Điều 4 Nghị định Số: 86/2014/NĐ-CP Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>(Điều 7 Nghị định Số: 86/2014/NĐ-CP Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô<br>(Điều 8 Nghị định Số: 86/2014/NĐ-CP Về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) | 4932 |
| 15. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5510 |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5610 |
| 17. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5621 |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5630 |

